

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HC-PT

Ngày: 14-9-2022

V/v khiếu kiện Quyết định xử
phạt vi phạm hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Phương;

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Lịch và bà Vũ Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm trực tuyến, công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 01/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc: “Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Phiên tòa diễn ra tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở TAND tỉnh Điện Biên và điểm cầu thành phần tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Đ. Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HC ngày 28 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Bùi Minh T, địa chỉ: Số nhà 2A, tổ dân phố 5, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt tại điểm cầu trung tâm.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; địa chỉ: Số 29, tổ dân phố 3, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Chủ tịch UBND phường M, có mặt tại điểm cầu thành phần.

3. Những người tham gia tố tụng khác:

3.1. Ông Quảng Ngọc T, Kỹ sư Công nghệ thông tin Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu trung tâm, có mặt.

3.2. Ông Trần Văn S - Công chức địa chính phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần, có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Bùi Minh T là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Bùi Minh T trình bày:

Ông Bùi Minh T có quyền sử dụng diện tích đất 1.130m² tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 14 (bản đồ lập năm 2010); địa chỉ tại số nhà 2A, tổ dân phố 5, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Nguồn gốc thửa đất là do mẹ đẻ ông T (bà Đào Thị T) khai hoang từ năm 1979 đến năm 1990 thì cho ông T. Ông T sử dụng ổn định, liên tục từ đó cho đến nay. Thửa đất này năm 1998, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên) đưa vào diện giải phóng mặt bằng để xây dựng Trung tâm Hội nghị - Văn hóa tỉnh. Trong quá trình giải phóng mặt bằng, ông T đã chỉ ra những sai phạm trong việc thu hồi đất nên UBND tỉnh Điện Biên đã không thu hồi thửa đất của ông T. UBND tỉnh Điện Biên đã đưa Trung tâm Hội nghị - Văn hóa tỉnh vào sử dụng từ năm 2004. Năm 2017, UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định số: 1911/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 (sau đây viết tắt là *Quyết định số 1911*) về Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án xây dựng kè bảo vệ Trung tâm Hội nghị - Văn hóa tỉnh Điện Biên để thu hồi thửa đất đó. Ông T không đồng ý và đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1911. Tại bản án hành chính phúc thẩm số: 139/2019/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định hủy một phần Quyết định 1911 (phần liên quan đến hộ gia đình ông Bùi Minh T).

Vì đường Trần Can đã hạ cos đường nhiều lần từ năm 1991 đến năm 2004. Thửa đất này ông T đã tiến hành san ủi rất nhiều lần, lần đầu tiên vào đầu năm 1991, khi đó thuê bộ đội thuộc Mặt trận 379 san ủi bằng tay sau khi được mẹ cho để làm mặt bằng hội trường tổ chức đám cưới và sau khi cưới xong ông T làm nhà ra ở riêng trên thửa đất đó. Sau đó, tiếp tục san ủi vào các năm 1992, 1993, 2010, 2014 đều bằng máy. Khi Bình đoàn 12 tiến hành san ủi đồi Mâm Xôi đã tiến hành phân định mốc giới giữa ông T với bên Bình đoàn và đại diện chính quyền địa phương. Vì vậy, khi đồi Mâm Xôi san ủi xong có mặt bằng thấp hơn cos thửa đất của ông T chỗ thấp nhất khoảng 3m chỗ cao nhất trên dưới 10m. Mặt bằng sau đó đã được xây dựng Trung tâm Hội nghị - Văn hóa tỉnh và hiện tại có cos thấp hơn thửa đất của ông T khoảng 1m. Thửa đất này từ năm 1979 cho đến nay không có một tranh chấp về diện tích hay mốc giới. Các năm 2010, 2014 ông T san ủi bằng máy xúc đều có chính quyền địa phương đến lập biên bản, trong đó, có ông T, ông S và ông H trưởng phố lúc đó tham gia. Năm 2010, ông T đã hạ cos của thửa đất chỗ cao nhất từ hơn 10m xuống còn cao hơn mặt đường khoảng 0,7m với diện tích hơn 1.000m². Ông T cho thuê toàn bộ mặt ngoài giáp đường Trần Can từ năm 2012 cho đến nay. Phần diện tích còn lại khoảng hơn 100m² do không còn tiền và ở phía đằng sau, ông T mới hạ thấp còn cao hơn cos nền khoảng 2m. Diện tích đất này ông T làm vườn rau, chuồng gà, ao thả cá và đặt 03

téc nước để phục vụ sinh hoạt cho gia đình. Để thuận tiện cho việc sử dụng, thửa đất có cos đồng đều nhau nhằm làm đẹp và tăng giá trị sử dụng, đầu tháng 10/2021 ông T đã đến phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố để xin giấy phép cải tạo mặt bằng và được Trưởng phòng giải thích là hiện tại việc cấp giấy phép cải tạo mặt bằng cho trường hợp của ông T không được thực hiện trên toàn thành phố vì không có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định. Do đó, ông T đã về và thuê người san ủi hạ thấp phần diện tích còn lại, phần đất dôi dư do đào lên ông T đồng ý để người thi công mang đi đổ ở vị trí mà họ tự liên hệ, ông T không nắm được, nhưng khi mới hạ được 2/3 diện tích đất để chuyển 03 téc nước, sau đó, sẽ hạ tiếp phần diện tích đất còn lại, thì UBND phường M đến lập Biên bản và ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 857/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2021 (*sau đây viết tắt là Quyết định số 857*). Quyết định này xử phạt ông T số tiền 3.500.000 đồng với lỗi “Hoạt động san gạt hạ thấp bề mặt của thửa đất làm biến dạng địa hình khi chưa được sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” và buộc ông T phải khắc phục hậu quả: “Khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm”.

Không đồng ý với Quyết định số 857, ông T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 857 của Chủ tịch UBND phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên với lý do: Ông T cho rằng hành vi san ủi diện tích đất còn lại của ông T là không vi phạm pháp luật vì theo quy định của hệ thống pháp luật hiện hành cũng như tỉnh Điện Biên không có văn bản nào quy định về việc khi san gạt một phần nhỏ diện tích thửa đất phải xin phép cơ quan có thẩm quyền. Chỉ khi người sử dụng đất cải tạo mặt bằng toàn bộ thửa đất nhằm chuyển mục đích sử dụng đất thì bắt buộc phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai; Điều 8 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019; hành vi san gạt hay lấp đất (nâng hoặc hạ cos nền) phải là toàn bộ thửa đất. Hành vi của ông T chỉ san gạt có 7% diện tích của thửa đất và không làm thay đổi mục đích sử dụng của thửa đất là không vi phạm vào bất kỳ quy định nào của pháp luật hiện hành.

- Buộc Chủ tịch UBND phường M phải công khai xin lỗi ông T vì đã thực hiện hành vi cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định tại khoản 10 Điều 12 Luật đất đai, gây thiệt hại về kinh tế và tinh thần cho ông T từ ngày 19/10/2021 cho đến nay. Vì ông T đã san ủi và chuyển số lượng đất đi hết phần diện tích 129,7m² nhưng sau đó UBND phường M mà trực tiếp là ông Q (phó chủ tịch) và ông S (công chức địa chính) đã cho máy đổ đất vào phần đã san ủi của ông hơn 50m³ và không cho ông được san ủi nốt phần đất còn lại gần 200m² mà trước đây là vườn rau, ao cá và chuồng gà để sử dụng.

Tại biên bản đối thoại ngày 19/01/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo pháp luật của người bị kiện trình bày:

Ông T đã san ủi, cải tạo mặt bằng đối với diện tích đất không phải của ông T (vì đất này đã được quy chủ cho ông Bùi Ngọc T1, ông T1 đã nhận số tiền đền bù

hơn 900.000.000 đồng) mà chưa báo cáo, xin phép với chính quyền địa phương (UBND phường) là cơ quan quản lý đất đai là vi phạm. Ông T đã tự ý san ủi, cải tạo mặt bằng, làm biến dạng địa hình thửa đất số 01, tờ bản đồ số 14 (bản đồ lập năm 2010) diện tích san gạt trái phép là 80m². Ông T phải báo cáo chính quyền địa phương, xin phép cấp giấy san ủi, cải tạo mặt bằng theo quy định khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 23 Luật đất đai năm 2013 và Luật tổ chức chính quyền địa phương. Việc UBND phường M lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính và ban hành Quyết định số 857 là hoàn toàn đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật xử lý vi phạm hành chính (sau đây viết tắt là LTTHC) và các Nghị định của Chính phủ như trong Quyết định số 857 đã nêu. Việc ông T hạ thấp độ cao của thửa đất làm biến dạng địa hình so với các thửa đất liền kề là hành vi hủy hoại đất và ông T cải tạo mặt bằng khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép là vi phạm Luật đất đai, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP. Do đó, người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ nguyên Quyết định hành chính bị khởi kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358, khoản 1 Điều 359, khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Các Điều 6, 38, 66 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điểm a khoản 3 Điều 3, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4, điểm b khoản 1, điểm 1 khoản 3 Điều 5, Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 15, điểm b, d khoản 1 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh T về việc: Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 857/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2021 của Chủ tịch UBND phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và buộc Chủ tịch UBND phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên công khai xin lỗi ông Bùi Minh T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/5/2022, ông Bùi Minh T kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện ông Bùi Minh T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật về việc xét xử vụ án hành chính.

- Về nội dung: Quyết định số 857 của Chủ tịch UBND phường M, thành phố Đ ban hành đúng trình tự, thủ tục, đúng hình thức, đúng thẩm quyền và đúng Luật xử lý vi phạm hành chính. Kháng cáo của ông Bùi Minh T không có căn cứ pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính: Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Minh T; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đúng quy định. Về án phí phúc thẩm: Ông Bùi Minh T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Bùi Minh T đảm bảo thời hạn, hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 204, 205 của Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Ngày 21/10/2021, ông Bùi Minh T có đơn khởi kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 857 của Chủ tịch UBND phường Mường Thanh, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân thành phố Đ đã thụ lý vụ án và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền, thời hiệu, đối tượng khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3]. Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 25/5/2022 về việc khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Tòa án nhân dân thành phố Đ xác định người bị kiện là Chủ tịch UBND phường M, thành phố Đ là chính xác. Tuy nhiên, lại không ghi tên của người đại diện theo pháp luật của người bị kiện là thiếu sót, song không làm ảnh hưởng đến bản chất của vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm để làm tốt hơn nữa những vụ án tương tự.

[2] Xét nội dung kháng cáo về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 857/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2021 của Chủ tịch UBND phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Về hình thức ban hành quyết định số 857: Quyết định số 857 được ban hành đúng theo mẫu biểu số 02 kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính nên hợp pháp về hình thức.

[2.2] Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 857: Chủ tịch UBND phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 857 đối với ông T với mức phạt tiền là 3.500.000 đồng là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[2.3] Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định 857: Ngày 11/10/2021, Công chức địa chính phường M đã đến kiểm tra tại tổ dân phố 5, phường M phát hiện ông T đã có hành vi san ủi, cải tạo mặt bằng đất. Tại thời điểm kiểm tra ông T đã san ủi hạ thấp độ cao với tổng diện tích là 80m² đất, khối lượng đất đã san ủi là 160m³. Công chức địa chính phường đã lập biên bản kiểm tra hiện trạng số: 10/BB-TTĐT, ngày 11/10/2021 về quản lý sử dụng đất đai, trật tự xây dựng đô thị (*sau đây viết tắt là: Biên bản kiểm tra hiện trạng số 10*). Ngày 12/10/2021, Chủ tịch UBND phường đã có Biên bản làm việc với ông T và cùng ngày Công chức địa chính phường đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC (*sau đây viết tắt là: Biên bản vi phạm hành chính số 08*). Tất cả 03 Biên bản trên đều được ông T ký xác nhận, giao cho ông T và yêu cầu ông T giải trình. Từ ngày 12/10/2021 đến ngày 19/10/2021 ông Bùi Minh T không có văn bản giải trình gửi đến UBND phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Biên bản kiểm tra hiện trạng số: 10 và Biên bản vi phạm hành chính số: 08. Ngày 19/10/2021, Chủ tịch UBND phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 857 đối với ông Bùi Minh T là đúng theo quy định về trình tự, thủ tục và thời hạn quy định tại Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[2.4] Về nội dung Quyết định số 857:

- Về quyền sử dụng đất: Theo UBND phường M xác định thửa đất số 01, tờ bản đồ số 14 (bản đồ lập năm 2010) có địa chỉ tại số nhà 2A, tổ dân phố 5, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên là của ông Bùi Ngọc T1 (anh trai của ông T) nhưng ông T san ủi, cải tạo mặt bằng không báo cáo, xin phép chính quyền địa phương là cơ quan quản lý đất đai tại địa phương là vi phạm khoản 1 Điều 12 và khoản 3 Điều 23 Luật đất đai năm 2013.

Tại Bản án số 139/2019/HC-PT ngày 08/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã nhận định: “*Có cơ sở xác định nguồn gốc diện tích đất tại*

thửa số 01 tờ bản đồ số 14 đo vẽ năm 2010, sau đó được ghi là thửa số 35, tờ bản đồ số 14, đo vẽ năm 2017 là của bà Đào Thị T... ”

Còn theo ông Bùi Minh T trình bày: Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 14 (bản đồ lập năm 2010), có diện tích đất 1.130m² có nguồn gốc là của bà Đào Thị T (mẹ đẻ ông Thắng) khai hoang từ năm 1979 và tặng cho ông T từ năm 1990. Tuy nhiên, giữa bà T và ông T không làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định của Bộ luật dân sự, Luật đất đai. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của ông T tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm đều thừa nhận thửa đất số 01, tờ bản đồ số 14 (bản đồ lập năm 2010) ông T vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Bùi Minh T đã thừa nhận: Diện tích đất trên ông T đã san ủi, hạ cos nền nhiều lần; đặc biệt, năm 2010 và 2014 khi ông T đang san ủi đều bị chính quyền địa phương đến lập biên bản vi phạm. Trước khi san ủi, hạ cos nền vào năm 2021 ông T đều nhận thức được rằng phải xin phép Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép thì mới được san ủi, hạ cos nền. Cho nên, ông T đã đến phòng Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Đ để xin giấy phép cải tạo mặt bằng nhưng được Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi Trường thành phố giải thích do không có văn bản quy phạm pháp luật quy định, nên không thực hiện được việc cấp giấy phép cải tạo mặt bằng trên toàn thành phố.

Tuy nhiên, ông T vẫn cố tình san ủi, hạ thấp cos nền mà chưa được phép của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; khi tiến hành san ủi ông T không xác định được khối lượng đất phải san ủi là bao nhiêu m³; tải trọng, công suất, phương tiện tham gia thi công; việc vận chuyển, tuyến đường vận chuyển đất như thế nào; không thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo vệ các công trình hạ tầng cơ sở có liên quan; đặc biệt, số đất dôi dư phải vận chuyển đi trong quá trình san gạt, cải tạo mặt bằng người thi công san gạt tự vận chuyển đi đổ chỗ nào ông T đều không biết. Đây chính là lỗi về “*mặt chủ quan*” của người vi phạm.

Để bảo vệ tài nguyên đất, tránh trường hợp san gạt đất tràn lan làm biến dạng địa hình, hủy hoại đất. UBND phường M, thành phố Đ là Cơ quan Nhà nước quản lý về đất đai tại địa phương có trách nhiệm quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất của người dân trên địa bàn, đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch và đúng mục đích sử dụng đất. Việc người dân muốn san ủi, cải tạo đất trước hết phải có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phải có hồ sơ thiết kế về mục đích san ủi, cải tạo phải cụ thể, rõ ràng; phải có địa điểm đổ phần đất dôi dư do san gạt, cải tạo và phải được phép Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép theo như Công văn số 20/CV-TN&MT ngày 29/3/2022 của phòng Tài Nguyên và Môi trường thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Bút lục số 103).

Hành vi đào xới, hạ cos nền đất của ông T đã làm biến dạng địa hình, làm suy giảm chất lượng đất, gây ô nhiễm đất, làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định là hành vi hủy hoại đất được quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật đất đai năm 2013. Và hành vi đó của ông T đã vi phạm vào khoản 1 Điều 12 và các khoản 1, 2, 4, 5 Điều 170 luật đất đai năm 2013.

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định hủy hoại đất là *hành vi làm biến dạng địa hình... trong đó:*

“a) Làm biến dạng địa hình trong các trường hợp: Thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất do lấy đất mặt dùng vào việc khác hoặc làm cho bề mặt đất thấp hơn so với thửa đất liền kề;.....”.

Tại Biên bản vi phạm hành chính số 08 của UBND phường M thể hiện: Ông Bùi Minh T đã có hành vi vi phạm: Tổ chức san ủi, cải tạo mặt bằng làm biến dạng địa hình đất. Diện tích vi phạm là 80m² (đo thủ công). Ông T không có ý kiến gì và đã ký tên vào Biên bản vi phạm hành chính, có sự chứng kiến của tổ trưởng tổ dân phố 5 là ông Bùi Bá V. Hành vi san gạt đất khoảng 07% diện tích thửa đất của ông T đã “*vi phạm một phần diện tích thửa đất*” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Và đây chính là “*khách thể bị xâm hại*” mà ông T đã trình bày tại Bản tự khai ngày 08/12/2021 (Bút lục số 63).

Như vậy, việc Chủ tịch UBND phường M ban hành Quyết định số 857 xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của ông T “Hoạt động san gạt hạ thấp bề mặt của thửa đất làm biến dạng địa hình khi chưa được sự cho phép của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền” với hình thức phạt tiền là 3.500.000 đồng và buộc ông T phải khắc phục hậu quả: “Khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm” trên cơ sở Biên bản kiểm tra hiện trạng đất số 10 và Biên bản vi phạm hành chính số 08 là phù hợp với Luật xử lý vi phạm hành chính.

[3] Xét nội dung kháng cáo về việc buộc Chủ tịch UBND phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên phải công khai xin lỗi ông T, Hội đồng phúc thẩm xét thấy: Do Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 857 của Chủ tịch UBND phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên là hợp pháp, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T nên việc ông T yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên phải công khai xin lỗi là không có căn cứ pháp luật để chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên: Có đủ cơ sở khẳng định Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 857 của Chủ tịch UBND phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên là hợp pháp về hình thức và nội dung, có căn cứ pháp lý, đúng thẩm quyền, đảm bảo về trình tự thủ tục và thời hạn, thời hiệu ban hành theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận.

Yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Minh T về việc sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm là không có căn cứ pháp luật để chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Bùi Minh T và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Minh T không được chấp nhận nên ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính: Bác toàn bộ kháng cáo của ông Bùi Minh T và giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; khoản 1 Điều 206; khoản 1 Điều 348; khoản 1 Điều 349; khoản 1 Điều 358; khoản 1 Điều 359 Luật Tổ tụng hành chính. Các Điều 6, 38, 66 Luật xử lý vi phạm hành chính. Điểm a khoản 3 Điều 3; điểm a khoản 2 Điều 4; điểm b khoản 1; điểm l khoản 3 Điều 5; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 15; điểm b, d khoản Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh T về việc: Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 857/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên công khai xin lỗi ông Bùi Minh T.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Bùi Minh T phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.311.147 đồng (ba triệu ba trăm mười một nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng). Ông T đã nộp đủ chi phí tố tụng.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Bùi Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001696 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Bùi Minh T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001923 ngày 02/6/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Ông T đã nộp đủ.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 14/9/2022).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND TP.Đ, tỉnh Điện Biên;
- VKSND TP. Đ, tỉnh Điện Biên;
- UBND TP. Đ, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Đ, tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lương Tiến Phương